

# MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, GIAI ĐOẠN 1996-2006

Nguyễn Thị Hảo\*

## ABSTRACT

*From 1996 to 2006, during the period from the VIII to the IX Congress, many new thoughts, views and new policies of the Party on economic issues were added and developed. It is the inheritance, supplement and completion of the Party's awareness of the socialist-oriented market economy. During this period, the Party led the economic and social construction and development and achieved many achievements.*

**Keywords:** *Opinion, economy, policy, congress, Communist Party, innovation.*

**Received:** 20/01/2022; **Accepted:** 18/02/2022; **Published:** 10/03/2022

## 1. Đặt vấn đề

Từ năm 1996 đến năm 2006, khi tình hình thế giới và trong nước có những chuyển biến mới; các kỳ đại hội và hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đều có những điểm mới, những bổ sung, phát triển và điều chỉnh về các vấn đề căn bản như công nghiệp hóa, hiện đại hóa, về cơ chế quản lý kinh tế, về mô hình kinh tế tổng quát, về các thành phần kinh tế, về vai trò quản lý của Nhà nước trong nền kinh tế. Trong khoảng thời gian từ Đại hội VIII đến Đại hội IX, nhiều tư duy mới, quan điểm, chủ trương mới của Đảng về các vấn đề kinh tế được bổ sung, phát triển. Đó là sự kế thừa, bổ sung và hoàn thiện nhận thức của Đảng về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong giai đoạn này, Đảng lãnh đạo xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội và đã đạt được nhiều thành tựu.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Chủ trương của Đảng

2.1.1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (6- 1996)

Đại hội VIII của Đảng diễn ra trong bối cảnh Việt Nam trải qua 10 năm đổi mới đã phá được thế bao vây, cấm vận, bước đầu hội nhập vào đời sống kinh tế khu vực và thế giới; nền kinh tế liên tục tăng trưởng cao, cơ cấu ngành kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa; đời

sống nhân dân được cải thiện; quốc phòng an ninh được giữ vững. Đại hội VIII đánh giá đất nước đã thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo ra thời cơ mới cho sự phát triển của đất nước. Đan xen với thời cơ đó là những nguy cơ, trong đó có nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Tổng kết 10 năm đổi mới (1986-1996), đất nước thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Việt Nam đã ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được xác định rõ hơn. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới đầy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tận dụng thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, từng bước rút ngắn khoảng cách phát triển với thế giới, Việt Nam đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đại hội VIII trên cơ sở đánh giá những thành tựu đã đạt được trong “chặng đường đầu tiên” của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã xác định đất nước chuyển sang thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đại hội VIII của Đảng xác định nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong những năm cuối cùng của thế kỷ XX là: Đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp

\* TS Học viện Báo chí và Tuyên truyền

và nông thôn; phát triển toàn diện nông, lâm nghiệp gắn với công nghiệp chế biến; phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Nâng cấp, cải tạo, mở rộng và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế, trước hết ở những khâu ách tắc và yếu kém nhất đang cản trở sự phát triển. Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp trọng yếu và hết sức cấp thiết, có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, phát huy tác dụng nhanh và có hiệu quả cao. Mở rộng thương nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại. Hình thành dần một số ngành mũi nhọn như chế biến nông, lâm, thủy sản, khai thác và chế biến dầu khí, một số ngành cơ khí chế tạo, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, du lịch. Phát triển mạnh sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ...

Về vấn đề cơ chế quản lý kinh tế và mô hình nền kinh tế; Đại hội VIII tổng kết 10 năm đổi mới và bổ sung một số nhận thức mới về cơ chế quản lý kinh tế như sau: (1) Sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng. (2) Trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở Việt Nam, thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một thể thống nhất với nhiều lực lượng tham gia sản xuất và lưu thông, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Thị trường trong nước gắn với thị trường thế giới. (3). Thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch. Kế hoạch chủ yếu mang tính định hướng và đặc biệt quan trọng trên bình diện vĩ mô. Thị trường có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động hay phương án tổ chức sản xuất kinh doanh. (4). Vận dụng kinh tế thị trường đòi hỏi phải nâng cao năng lực quản lý vĩ mô của Nhà nước, đồng thời xác lập đầy đủ chế độ tự chủ của các đơn vị sản xuất kinh doanh, nhằm phát huy tác động tích cực to lớn đi đôi với ngăn ngừa, hạn chế và khắc phục những mặt tiêu cực của kinh tế thị trường. Nhà nước quản lý thị trường bằng pháp luật, kế hoạch, cơ chế, chính sách, các công cụ đòn bẩy kinh tế và bằng các nguồn lực của khu vực kinh tế nhà nước.

Như vậy, Đại hội VIII của Đảng chưa sử dụng khái niệm nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và yêu cầu nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần. Điều này xuất phát từ thực tiễn phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần những năm trước đó, bên cạnh mặt tích cực cũng tạo ra những nguy cơ, đặc biệt là nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội VIII đánh dấu bước ngoặt của Đảng, đưa đất nước sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

*2.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (4-2001)*

Kết quả thực hiện Chiến lược ổn định phát triển kinh tế - xã hội 1991-2000 đã đưa Tổng sản phẩm quốc dân (GDP) của nước ta từ 15, 5 tỷ USD năm 1991 tăng vượt hơn gấp đôi vào năm 2000, đạt trên 35 tỷ USD. Đại hội đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm tiếp theo (2001-2010) với mục tiêu tổng quát là đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020, Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại; tiếp tục đưa GDP năm 2010 lên gấp đôi so với năm 2000.

Đảng, Nhà nước chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; coi đây là mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức phân phối, chủ yếu phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội. Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Trước thềm thiên niên kỷ mới, Đại hội IX của Đảng tổng kết những thành tựu và hạn chế của 15 năm đổi mới, 10 năm thực hiện Chiến lược

ổn định và phát triển kinh tế đến năm 2000 và 5 năm thực hiện đường lối đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Đại hội VIII. Trên cơ sở đường lối kinh tế chung, Đại hội xác định “phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm”.

Trong văn kiện Đại hội IX, lần đầu tiên mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, về tiếp cận kinh tế tri thức, về xã hội thông tin... và đặc biệt, con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa rút ngắn được chính thức đề cập. Theo đó, con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam cần và có thể rút ngắn thời gian, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt... Phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức. Phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của người Việt Nam; coi phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn với việc nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp, đảm bảo thu nhập của người nông dân xấp xỉ bằng thu nhập chung của toàn xã hội và sản phẩm nông nghiệp thỏa mãn được nhu cầu thị trường trong nước và thế giới. Muốn vậy, phải tổ chức lại sản xuất nông nghiệp thành nền sản xuất hàng hóa có chất lượng ngày càng cao, áp dụng rộng rãi tiến bộ khoa học và công nghệ, thực hiện cơ giới hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa và sinh học hóa. Công nghiệp và dịch vụ nông thôn phải tạo dựng và phát triển vừa để giải quyết việc làm và nghề nghiệp mới cho số lao động nông thôn dôi dư và mới tăng thêm, nhất là chế biến, bảo quản sau thu hoạch, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ... Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn.

Về vấn đề cơ chế quản lý kinh tế và mô hình nền kinh tế, Đại hội IX của Đảng trên cơ sở tổng kết 15 năm đổi mới, 10 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, đã bổ sung, làm sáng tỏ thêm một số nhận

thức mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, trong đó, lần đầu tiên trình bày mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Mục đích của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là: Phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Phát triển lực lượng sản xuất hiện đại gắn liền với xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp trên cả ba mặt: sở hữu, quản lý và phân phối.

Chế độ sở hữu và chủ thể của kinh tế thị trường: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc. Chế độ sở hữu công cộng về các tư liệu sản xuất chủ yếu từng bước được xác lập và sẽ chiếm ưu thế tuyệt đối khi chủ nghĩa xã hội được xây dựng xong về cơ bản. Xây dựng chế độ đó là một quá trình phát triển kinh tế - xã hội lâu dài qua nhiều bước, nhiều hình thức từ thấp đến cao. Phải từ thực tiễn tìm tòi, thử nghiệm để xây dựng chế độ sở hữu công cộng nói riêng và quan hệ sản xuất mới nói chung với bước đi vững chắc. Tiêu chuẩn căn bản để đánh giá hiệu quả xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa là thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện công bằng xã hội.

Về chức năng của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: Nhà nước quản lý bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, sử dụng cơ chế thị trường, áp dụng các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý của kinh tế thị trường để kích thích sản xuất, giải phóng sức sản xuất, phát huy mặt tích cực, hạn chế và khắc phục mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo vệ lợi ích của nhân dân.

Về phân phối: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua

phúc lợi xã hội.

Như vậy, lần đầu tiên sau 15 năm đổi mới đất nước từ năm 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam đã trình bày một cách sáng rõ và có hệ thống về cấu trúc tổng thể của mô hình kinh tế Việt Nam – đó là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với tính hướng đích, chế độ sở hữu, vai trò của các thành phần kinh tế, chế độ quản lý, chế độ phân phối, vai trò của Nhà nước.

### 2.2. Kết quả đạt được

#### 2.2.1. Thành tựu

Thực hiện những chủ trương của Đảng trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (6-1996), mặc dù trong bối cảnh tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á - Thái Bình Dương năm 1997 và 1998, nhưng nền kinh tế Việt Nam vẫn đạt được những thành tựu nhất định. Trong đó, nông nghiệp phát triển liên tục, góp phần quan trọng vào mức tăng trưởng chung và giữ vững ổn định kinh tế - xã hội. Công nghiệp và xây dựng vượt qua những khó khăn, thách thức, đạt được nhiều tiến bộ. Các ngành dịch vụ trong điều kiện khó khăn hơn trước nhưng vẫn tiếp tục phát triển và đóng góp tích cực cho tăng trưởng và phục vụ đời sống. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tích cực. Kinh tế đối ngoại mở rộng và phát triển đúng hướng.

Bằng nhiều biện pháp đồng bộ, chủ trương của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4-2001) đã từng bước được đi vào cuộc sống. Trong 5 năm (2001 - 2005), tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, vốn đầu tư toàn xã hội tăng đáng kể, kinh tế vĩ mô ổn định, hội nhập kinh tế quốc tế có bước tiến bộ vượt bậc. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân Việt Nam ra sức phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và đã đạt những thành tựu rất quan trọng:

Nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao và phát triển tương đối toàn diện. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm sau tăng cao hơn năm trước, bình quân trong 5 năm 2001 - 2005 là 7,51%, đạt mức kế hoạch đề ra. Kinh tế vĩ mô tương đối ổn định, các quan hệ và cân đối chủ yếu trong nền kinh tế (tích lũy - tiêu dùng, thu - chi ngân sách,...) được cải thiện; việc huy động các nguồn nội lực cho phát triển

có chuyển biến tích cực, tỉ lệ huy động GDP vào ngân sách nhà nước vượt dự kiến. Tổng vốn đầu tư vào nền kinh tế tăng nhanh đã làm tăng đáng kể năng lực sản xuất kinh doanh, tạo nhiều sản phẩm có sức cạnh tranh, hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình lớn về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tăng cường tiềm lực và cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đến năm 2005, tỉ trọng giá trị nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp trong GDP còn 20,9% (kế hoạch 20 - 21%), công nghiệp và xây dựng 41% (kế hoạch 38 - 39%), dịch vụ 38,1% (kế hoạch 41 - 42%). Các thành phần kinh tế đều phát triển.

Hoạt động kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế có bước tiến mới rất quan trọng. Một số sản phẩm đã có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Xuất khẩu, nhập khẩu có tốc độ tăng trưởng khá, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 50% GDP. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) liên tục tăng qua các năm. Đã có một số dự án đầu tư ra nước ngoài.

Thế chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bước đầu được xây dựng. Thị trường hàng hóa phát triển tương đối nhanh; một số loại thị trường mới đã hình thành.

Công tác xóa đói giảm nghèo được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức, biện pháp; đến cuối năm 2005, tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn Việt Nam cho giai đoạn 2001 - 2005) còn 7% (năm 2001 là 17,5%, kế hoạch là 10%). Đã kết hợp tốt các nguồn lực của Nhà nước và nhân dân, xây dựng nhiều công trình kết cấu hạ tầng kinh tế, văn hoá, xã hội cho các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc. Trong 5 năm, tạo việc làm cho 7,5 triệu lao động. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 5,7 triệu đồng năm 2000 lên trên 10 triệu đồng năm 2005.

#### 2.2.2. Hạn chế

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (6-1996), bên cạnh mặt tích cực thì chuyển dịch cơ cấu kinh tế vẫn chưa đạt mục tiêu mà Đại hội đề ra, nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế 5 năm 1996 - 2000 chậm

dần. Năng suất lao động đạt thấp, chất lượng sản phẩm chưa tốt, giá thành còn cao. Nhiều sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp thiếu thị trường tiêu thụ cả ở trong và ngoài nước. Cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, còn phân tán, lãng phí và thất thoát còn phổ biến ở nhiều khâu, nhiều nơi. Thu hút đầu tư nước ngoài giảm...

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4-2001) còn tồn tại một số hạn chế như tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với khả năng; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn kém; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Các cân đối vĩ mô trong nền kinh tế chưa thật vững chắc, dễ bị ảnh hưởng bởi những biến động từ bên ngoài. Trình độ khoa học, công nghệ, năng suất lao động thấp; giá thành nhiều sản phẩm còn cao so với khu vực và thế giới. Nhiều nguồn lực và tiềm năng trong nước chưa được huy động và khai thác tốt. Đầu tư của Nhà nước dàn trải, hiệu quả chưa cao, thất thoát nhiều. Lãng phí trong chi tiêu ngân sách nhà nước và tiêu dùng xã hội còn nghiêm trọng. Môi trường tự nhiên ở nhiều nơi bị huỷ hoại, ô nhiễm nặng. Lĩnh vực dịch vụ phát triển chậm. Nội dung và các biện pháp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn chưa cụ thể. Sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước, nhất là cổ phần hóa còn nhiều vướng mắc. Chất lượng nguồn nhân lực thấp, lao động chưa qua đào tạo vẫn là phổ biến, lao động nông nghiệp còn chiếm tỉ lệ cao. Hoạt động kinh tế đối ngoại còn hạn chế. Nhiều doanh nghiệp chưa đủ sức vượt qua những khó khăn về cạnh tranh và thị trường.

Mặc dù đạt được những thành tựu nhất định nhưng cho đến thời điểm hiện tại, Việt Nam vẫn trong tình trạng kém phát triển. Kinh tế còn lạc hậu so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội, xây dựng hệ thống chính trị còn nhiều yếu kém. Lý luận chưa giải đáp được một số vấn đề của thực tiễn đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đặc biệt là trong việc giải quyết các mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển; giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa đổi mới

với ổn định và phát triển; giữa độc lập tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế...

### **3. Kết Luận**

Tổng kết hai mươi năm tiến hành đổi mới đất nước từ năm 1986 đến năm 2006 và 10 năm thực hiện Nghị quyết đại hội VIII và đại hội IX (1996-2006), với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, công cuộc đổi mới ở Việt Nam trên lĩnh vực kinh tế đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử: Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Những thành tựu đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp thực tiễn Việt Nam. Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất... Đề đi lên chủ nghĩa xã hội, Việt Nam phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Vũ Đình Bách (chủ biên) (2004), *Một số vấn đề về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Vũ Đình Bách (2006), *Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân ở Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Ban chỉ đạo Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn đổi mới ở Việt Nam (2006); *Việt Nam 20 năm đổi mới*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.